TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 109/2022/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 08 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Đặng Minh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: 54/2/15 Bạch Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người yêu cầu: Bà Trần Thị Tố U, sinh năm 1991; Địa chỉ: 54/2/15 Bạch Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2012, quyển số 01/2012 ngày 11/9/2012 của Ủy ban nhân Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa ông Đặng Minh T và bà Trần Thị Tố U là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2012, quyển số 01/2012 ngày 11/9/2012. Trong quá trình chung sống thì xảy ra bất đồng về quan điểm, không hòa thuận, không còn tình cảm. Nay, ông bà nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu thuận tình ly hôn để ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Có 01 con chung: Đặng Minh H, sinh ngày 27/04/2014. Hai bên thỏa thuận ông Đặng Minh T trực tiếp nuôi 01 con chung Đặng Minh H và bà Trần Thị Tố U không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận về nuôi con của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Ông Đặng Minh T và bà Trần Thị Tố U cùng chịu 300.000 đồng lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Minh T và bà Trần Thị Tố U thuận tình ly hôn (Ông Đặng Minh T và bà Trần Thị Tố U đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 126/2012, quyển số 01/2012 ngày 11/9/2012 của Ủy ban nhân Phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Có 01 con chung: Đặng Minh H, sinh ngày 27/04/2014. Hai bên thỏa thuận ông Đặng Minh T trực tiếp nuôi 01 con chung Đặng Minh H, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Trần Thị Tố U do ông Đặng Minh T chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị Tố U có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Đặng Minh T và bà Trần Thị Tố U chịu được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông, bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0030908 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND Q.T;
- Chi cục THADS Q. T;
- UBND Phường 2, Q.T, TP.HCM;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Dương Thị Lan Ngọc